

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận lưu hành giống cây trồng

CỤC TRƯỞNG CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật, Luật Trồng trọt và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 30/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi một số điều có liên quan đến nhiệm vụ và tổ chức thanh tra tại các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ đề nghị của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Giang tại văn bản ngày 09/01/2026 về việc cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Giống cây trồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lưu hành giống lúa thuần Đại Dương 18:

Mã số lưu hành: CNLH.2026.12;

Tổ chức đăng ký lưu hành: Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Giang;

Phạm vi lưu hành: Vụ Xuân, vụ Mùa tại các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ;

Thời gian lưu hành: 20 năm kể từ ngày ký Quyết định;

Thông tin về giống được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành và các đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến giống cây trồng được công nhận lưu hành nêu trên để áp dụng vào sản xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Cục, Trưởng các đơn vị thuộc Cục; tổ chức, cá nhân có giống cây trồng được công nhận lưu hành, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục trưởng (để b/c);
- Trung tâm KKN Giống, SPCT QG;
- VP Cục (để đăng tải lên Website Cục);
- BPMC (trả kết quả cho đơn vị);
- Lưu: VT, QLG._(PVT)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục

MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ GIỐNG LÚA THUẦN ĐẠI DƯƠNG 18

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTTV-QLG ngày tháng năm 2026
của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Tên tổ chức đăng ký công nhận lưu hành: Công ty Cổ phần Giống cây trồng Bắc Giang.

Địa chỉ: Thông Vĩnh Sơn - xã Tân Đình - tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 02042240072. Email: seedbacgiang2000@gmail.com.

Công bố các thông tin về giống cây trồng cụ thể như sau:

1. Tên giống cây trồng: Giống lúa thuần Đại Dương 18

2. Thông tin về giống lúa thuần Đại Dương 18:

2.1. Đặc tính giống cây trồng:

2.1.1. Đặc tính của giống lúa thuần Đại Dương 18 qua kết quả khảo nghiệm diện hẹp, khảo nghiệm diện rộng:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính hoặc điểm	Mức độ biểu hiện
1. Sức sống của mạ	1-5	Khỏe - Trung bình
2. Độ dài giai đoạn trỗ	1-5	Tập trung - Trung bình
3. Độ thuần đồng ruộng	1-5	Cao - Trung bình
4. Độ thoát cỏ bông	1	Thoát hoàn toàn
5. Độ cứng cây	1	Cứng
6. Độ tàn lá	1-5	Muộn - Trung bình
7. Độ rụng hạt	1-5	Khó rụng - Trung bình
8. Thời gian sinh trưởng	Ngày	Vụ Xuân: 129-144; Vụ Mùa: 102-111.
9. Chiều cao cây	cm	100,1-115,1
10. Số bông hữu hiệu	Bông/khóm	4,9-6,9
11. Số hạt chắc trên bông	hạt/bông	130-173
12. Tỷ lệ lép	%	5,4-16,7
13. Khối lượng 1000 hạt	Gam	23,4-26,7
14. Năng suất hạt	tạ/ha	Vụ Xuân: 50,55-79,73; Vụ Mùa: 46,61-74,7.
15. Chất lượng thóc gạo:		
15.1. Chất lượng xay xát		
Tỷ lệ gạo lật	%	78,99-81,67
Tỷ lệ gạo xát	%	67,56-74,87
Tỷ lệ gạo nguyên	%	51,94-87,38
Dài hạt gạo	mm	6,38-6,55
Tỷ lệ D/R		2,70-2,93
15.2. Chất lượng gạo		
Độ trắng bạc		Hơi bạc - Bạc TB

Hàm lượng amylose	%CK	13,88-15,29
Độ bền gel		Mềm
Nhiệt độ hóa hồ		Trung bình
16. Chất lượng cơm:		
Mùi thơm	2,0-2,2	Có mùi cơm, hương thơm kém đặc trưng
Độ mềm	3,9-4,0	Mềm
Vị ngon	3,0-3,3	Khá ngon
Màu sắc cơm	5,0	Trắng

b) Đặc tính của giống qua kết quả khảo nghiệm kiểm soát:

- Bệnh đạo ôn: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) đối với nguồn nấm bệnh đạo ôn đại diện cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ.

- Bệnh bạc lá: Nhiễm vừa (cấp bệnh 5/9) với nguồn bệnh bạc lá đại diện cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ. Nhiễm (cấp bệnh 7/9) với nguồn bệnh bạc lá đại diện cho các tỉnh Đồng bằng sông Hồng.

- Rầy nâu: Nhiễm vừa (cấp hại 5/9) đối với nguồn rầy nâu đại diện cho các tỉnh Trung du miền núi phía Bắc. Nhiễm (cấp hại 7/9) đối với nguồn rầy nâu đại diện cho các tỉnh Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

2.2. Vật liệu nhân giống: Phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

2.3. Hướng dẫn bảo quản và sử dụng.

a) Hướng dẫn bảo quản:

- Chất lượng tối thiểu của lô hạt giống khi đưa vào bảo quản: Các chỉ tiêu khác đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng hạt giống lúa thuần.

- Hạt giống sau khi chế biến được đóng bao xác rắn, bảo quản trong điều kiện khô ráo, thoáng mát.

b) Hướng dẫn sử dụng:

- Thời vụ gieo trồng: Vụ Xuân và vụ Mùa;

- Vùng sản xuất: Các tỉnh vùng Trung du miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ./.